

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 218/2021/DS-PT

Ngày: 01-11 - 2021

*V/v tranh chấp: “Tranh chấp yêu cầu
hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng
đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất, chia thừa kế
theo pháp luật; Bồi thường thiệt hại
tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử P thẩm công khai vụ án thụ lý số: 515/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số: 641/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Trần Thị Tr, sinh năm 1961(có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình A, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

2/ Trần Văn Ph, sinh năm 1966(có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

3/ Trần Thị T, sinh năm 1956(có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

4/ Trần Thị T1, sinh năm 1967(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thanh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các nguyên đơn:

Luật sư **Nguyễn Văn D** –Luật sư, tư vấn viên pháp luật-Thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật, Hội luật gia tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Trần Văn P, sinh năm 1957(có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thanh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Thị Minh A, sinh năm 1969(có mặt).

HKTT: Ấp Thanh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: Ấp Bình A, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Hồ Văn Nhi, sinh năm 1965(vắng mặt).

2/ Lưu Thị Kim H, sinh năm 1965.

Đại diện ủy quyền của ông Nhiệm và bà Hương: Hồ Cẩm Nh – sinh năm 1989(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Bình A, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

3/ Hồ Tuấn M, sinh năm 1973(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thanh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

4/ Lê Văn T(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

5/ Lê Hồng Kh, sinh năm 1976(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa Bì, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

6/ Lê Thị Thanh T, sinh năm 1983(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

7/ Lê Thanh Ph, sinh năm 1985(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa Bì, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

8/ Lê Thị Ngọc Tuyền, sinh năm 1987(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

9/ Lê Thị Ch, sinh năm 1977(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Quới A, xã Long B, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

10/ Lê Văn Ph, sinh năm 1952(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa B, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

11/ Ủy ban nhân dân huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang(vắng mặt).

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Tấn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng:

1/ Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1957(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

2/ Lê Thị Thu Th, Nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, hiện đang công tác tại Cục thống kê tỉnh Tiền Giang(vắng mặt).

3/ Trần Văn T, sinh năm 1942(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh T, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

4/ Lê Thành T, sinh năm 1964(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

5/ Đặng Văn Kh, sinh năm 1965(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

6/ Phạm Thị S, sinh năm 1940(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

7/ Đỗ Thị H, sinh năm 1943(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

8/ Đỗ Thị Tr, sinh năm 1937(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình A, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

9/ Nguyễn Văn B(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

10/ Nguyễn Thanh T, Trưởng ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang(vắng mặt).

11/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1972(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh Th, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

12/ Trần Văn H, sinh năm 1960(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thạnh T, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Các nguyên đơn Trần Thị Tr, Trần Văn Ph, Trần Thị T, Trần Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị Tr, Trần Thị T, Trần Văn Ph, Trần Thị T1 trình bày:

Cụ Trần Văn K (chết năm 1968) và cụ Đỗ Thị Th2 (chết năm 2013), lúc sinh thời cụ Th2 sinh được 08 người con gồm Trần Thị Tr; Trần Thị T; Trần Văn

Ph; Trần Văn P; Trần Thị T1; Trần Thị Triết (chết năm 1977), bà Triết có 01 người con tên Hồ Tuấn Minh; Trần Thị Triều (chết năm 2009), bà Triều có 06 người con gồm Lê Văn Thọ, Lê Thị ChA, Lê Thị Ngọc Tuyền, Lê Minh Phng, Lê Thị Thanh Tâm, Lê Hồng Khanh. Khi còn sống, cụ Th2 đứng tên quyền sử dụng đất với tổng diện tích 15.580m², tọa lạc ấp Thanh Thới, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang cụ thể thửa 258, tờ bản đồ số 2 diện tích 10.000m²; thửa 124, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.160m², thửa số 162, diện tích 1.420m². Vào năm 2007, khi cụ Th2 bị bệnh tai biến thì ông P, bà A tự ý lên lút qua bộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19/6/2009 gồm các thửa: Thửa số 62, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.136m², đất lúa; Thửa 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 9.813,7m², đất trồng cây 1A năm và thổ cư; Thửa số 25, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,3m², đất nghĩa địa.

Mặc dù ông P, bà A đứng tên thửa đất số 62, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.136m², loại đất lúa, nhưng bà T1 là người trực tiếp canh tác. Hiện nay, thửa đất này ông P, bà A đã chuyển nhượng cho ông Hồ Văn Nhiệm và bà Lưu Thị Kim Hương và ông Nhiệm, bà Hương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 9.813,7m² thì ông P, bà A đã chuyển nhượng cho Hồ Tuấn Minh diện tích 1.038m² và anh Minh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/9/2019, bà T, bà Tr, ông Ph, bà T1 yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chứng thực ngày 22/12/2010 giữa cụ Đỗ Thị Th2 và ông P, bà A đối với thửa đất số 258, 124 với tổng diện tích 14.103,3m² đất lúa, thổ 1A năm và đất nghĩa địa gia đình; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa số 62, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.136m², loại đất lúa; thửa 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 9.813,7m², loại đất trồng cây 1A năm và đất ở nông thôn; thửa số 25, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,3m², loại đất nghĩa địa; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông P, bà A với ông Nhiệm, bà Hương đối với thửa đất số 62; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P, bà A với anh Minh đối với diện tích đất 1.038m²; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nhiệm, bà Hương đối với thửa đất số 62; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Hồ Tuấn Minh đối với diện tích 1.038m²; yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất thuộc thửa 62, thửa 24, thửa 25 là di sản của cụ Th2 để lại chưa chia; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất số 62, thửa 24, thửa 25 như sau:

+ Yêu cầu chia cho bà Trần Thị T 3.000m² đất vườn cùng căn nhà thờ trên phần đất này + 135,3m² đất nghĩa địa.

- + Yêu cầu chia Trần Thị Tr 2.000m² đất cây 1A năm.
- + Chia cho ông Trần Văn P diện tích 3.793,7m² đất cây 1A năm.
- + Chia cho ông Trần Văn Ph diện tích 2.000m² đất lúa thuộc thửa 62.
- + Chia cho bà Trần Thị T1 diện tích 2.136m² đất lúa thuộc thửa 62.
- + Chia cho Hồ Tuấn Minh (con bà Triết) diện tích 1.038m² đất cây 1A năm.

Bị đơn Trần Văn P trình bày:

Cha của ông là cụ Trần Văn K (chết năm 1968) và mẹ của ông là cụ Đỗ Thị Th2 (chết năm 2013), lúc sinh thời cụ Th2 sinh được 08 người như lời trình bày của các nguyên đơn, năm 1997 cụ Th2 đứng tên tổng diện tích 17.650m² đất tọa lạc ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang. Quá trình sử dụng đất cụ Th2 đã cho Hồ Tuấn Minh diện tích 2.050m² đất ruộng, chia cho bà Trần Thị T diện tích 1.420m² đất ruộng và Hồ Tuấn Minh đã bán cho bà Tuyết, bà T đã bán lại cho bà Trần Thị T1, do cụ Th2 vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất nên cụ Th2 đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà Tuyết diện tích 2.050m² mà bà đã tặng cho anh Minh và ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho Trần Thị T1 diện tích 1.420m² đất mà bà cho bà T. Năm 2007, cụ Th2 bị tai biến gia đình đã chữa trị cho cụ tại nhà và cụ đã bình phục, đi đứng được, trí óc còn minh mẫn. Năm 2008, khi đoàn đo đạc Vĩnh Long tiến hành đo đạc toàn bộ diện tích đất trên địa bàn huyện Gò Công T2, thì cụ Th2 đã tặng cho ông toàn bộ diện tích còn lại là 14.085m², vợ chồng ông đã được Ủy ban nhân dân huyện Gò Công T2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thửa số 62, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.136m², đất lúa; thửa 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 9.813,7m², đất trồng cây 1A năm và thổ cư; thửa số 25, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,3m², đất nghĩa địa. Năm 2014, vợ chồng ông đã tặng cho anh Hồ Tuấn Minh diện tích 1.038m² trong tổng diện tích 9.813,7m², hiện nay anh Minh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Năm 2017, vợ chồng ông đã chuyển nhượng toàn bộ thửa số 62, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.136m², đất lúa cho ông Hồ Văn Nhiệm và bà Lưu Thị Kim Hương, hiện nay ông Nhiệm và bà Hương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Trong quá trình ông ở chung để chăm sóc, phụng dưỡng cụ Th2, căn nhà thờ đã được ông tôn tạo sửa chữa như xây dựng nhà tắm, sửa chữa nhà bếp, lát gạch, tráng xi-măng, làm hàng rào, đồng thời ông cũng trồng cây ca cao xen lẫn vào cây dừa và trồng bưởi. Nay ông không đồng ý với tất cả yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn với lý do trong thời gian ông sống chung, phụng dưỡng cụ Th2 nên vào năm 2008 ông có xin bà Th2 được đứng tên toàn bộ diện tích đất còn lại thì cụ Th2 đã đồng ý và cụ Th2 đã ký hợp đồng tặng cho ông tổng diện tích 14.103m² đất, quá trình ông đứng tên quyền sử dụng đất các anh chị em đều biết nhưng không ý kiến phản đối.

Đối với yêu cầu của bà T1 yêu cầu ông bồi thường tổng số tiền 6.567.000 đồng tiền đầu và rơm ông đã đốt của bà T1 thì ông chỉ đồng ý bồi thường số tiền 3.200.000 đồng theo biên bản hòa giải tại trụ sở ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2 vì thời điểm ông đốt rơm và đầu thì bà T1 đã thu hoạch đầu, số đầu còn lại rất ít chỉ khoảng vài chục ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Văn Nhiệm và Lưu Thị Kim Hương trình bày:

Vào năm 2017, vợ chồng ông bà đã nhận chuyển nhượng diện tích 4.136m² đất lúa của ông P, bà A. Khi ông bà nhận chuyển nhượng thì đất do ông P, bà A đứng tên quyền sử dụng đất, hai bên đã chuyển nhượng đúng quy định pháp luật, hiện nay vợ chồng ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên. Nay vợ chồng ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng ông P, bà A; không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Tuấn Minh trình bày:

Mẹ của anh là bà Trần Thị Triết (chết năm 1979), cha là Hồ Văn Răng (chết năm 1974). Nay các đồng nguyên đơn bà Tr, ông Ph, bà T, bà T1 khởi kiện ông P, bà A để yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế đối với phần đất do cụ Th2 để lại thì anh không có tranh chấp, không yêu cầu chia đối với di sản của cụ Th2 để lại vì anh đã được cụ Th2 chia đất rồi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 1.038m² mà ông P, bà A đã tặng cho anh vào năm 2014 (phần đất này do mẹ anh bà Triết khai hoang nhưng cụ Th2 đứng tên quyền sử dụng đất nên cụ Th2 cho lại anh) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh đối với phần đất nêu trên thì anh không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn Thọ, chị Lê Thị ChA, chị Lê Thị Ngọc Tuyền, anh Lê Minh Phng, anh Lê Hồng Khanh, chị Lê Thị Thanh Tâm trình bày:

Mẹ của các anh chị là bà Trần Thị Triều (chết năm 2009), nay các nguyên đơn bà Tr, ông Ph, bà T, bà T1 khởi kiện ông P, bà A để yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông P, bà A đã đứng tên đối với phần đất cụ Th2 để lại thì các anh chị không có tranh chấp và không yêu cầu chia di sản của cụ Th2 để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ph trình bày:

Ông là chồng của bà Trần Thị Triều (chết năm 2009), trước đây vào năm 1976 cụ Th2 có kêu vợ chồng ông và chị Trần Thị Triết dọn đất hoang, vợ chồng

ông đã dọn được 2.000m² đất và phần đất này vợ chồng ông đã được đứng tên quyền sử dụng đất. Diện tích đất cụ Th2 để lại các đồng nguyên đơn khởi kiện tranh chấp với ông P, bà A thì ông không tranh chấp, không yêu cầu chia.

Người làm chứng Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà là cháu chồng của cụ Đỗ Thị Th2 và nhà của bà ở gần nhà cụ Th2, hai nhà chỉ cách nhau 01 thửa vườn, bà cũng thỉnh thoảng qua nhà của cụ Th2 đặc biệt là ngày giỗ ông bà và ngày tảo mộ. Từ năm 2012 trở về trước cụ Th2 rất minh mẫn, tinh táo, hằng ngày nằm trên võng xem tivi, tự bắt, tự tắt, khi bà qua thăm cụ Th2 thì cụ Th2 vẫn nhớ và hỏi thăm về các con của bà. Vào ngày 25/02/2013 là ngày giỗ của bà ngoại bà, họ hàng có gửi thức ăn cho cụ Th2 và cụ Th2 vẫn còn ăn được bình thường, đến tháng 03/2013 vì lớn tuổi sức khỏe yếu nên cụ Th2 ít nói, ăn kém, mệt thường nên cụ Th2 qua đời vào ngày 22/4/2013 âm lịch.

Người làm chứng Trần Văn T trình bày:

Ông là em chồng của bà Th2, theo ông được biết trước khi bà Th2 mất vào năm 2013 thì bà Th2 vẫn còn sáng suốt, tinh thần minh mẫn, bà Th2 chỉ bị bệnh và tay chân yếu không đi lại được. Mỗi khi ông quen qua nhà bà Th2 đám giỗ hay tảo mộ thì bà Th2 đều nhắc con của bà Th2 là ông Trần Văn P qua nhắc ông.

Người làm chứng Lê Thành T trình bày:

Ông ở gần nhà bà Th2, trước đây ông có mua dừa của bà Th2. Ông mua dừa của bà Th2 từ năm 2003 đến năm 2008, khi ông trả tiền dừa cho bà Th2 thì bà Th2 còn rất minh mẫn, bà Th2 còn trao đổi, nói chuyện với ông bình thường, bà Th2 còn tự mình đếm tiền do ông trả. Đến trước khi bà Th2 mất thì ông không còn mua dừa của bà Th2 nữa.

Người làm chứng Đặng Văn Kh trình bày:

Trước đây ông làm thuê cho bà Th2, cụ thể hàng tháng ông đều đến thọc dừa ở vườn của bà Th2 rồi bà Th2 trả tiền công. Thời gian ông làm cho bà Th2 thì bà Th2 còn minh mẫn, sáng suốt, đến năm 2016 ông bị gãy chân thì ông không còn làm cho bà Th2 nữa.

Người làm chứng Phạm Thị S trình bày:

Bà là hàng xóm của bà Th2, trước khi bà Th2 mất vào năm 2013 thì bà Th2 bị bệnh tai biến. Do là chỗ hàng xóm nên bà cũng thường hay tới lui thăm bà Th2. Khi bà Th2 bị bệnh tai biến chỉ nằm có một chỗ, các con bà Th2 hay tới lui chăm sóc. Bà Th2 bệnh kéo dài khá lâu, nằm tới mấy năm rồi mất nhưng bà không rõ là bao nhiêu năm. Lúc đầu dù bà Th2 nằm một chỗ nhưng vẫn còn minh mẫn, lúc sau đến khi mất thì không còn minh mẫn nữa, ai tới lui thăm hỏi thì hết biết gì rồi.

Người làm chứng Đỗ Thị Hg trình bày:

Bà là em ruột của bà Th2, năm 2007 bà Th2 bị bệnh tai biến chỉ nằm một chỗ, bà cũng thường tới lui thăm nom chăm sóc bà Th2. Lúc đầu bà Th2 bệnh chỉ có mấy người con gái của bà Th2 chăm sóc, nuôi bệnh. Lúc đầu bà Th2 còn biết đôi chút, vẫn còn minh mẫn, nhưng thời gian sau thì bà Th2 không còn biết gì, nằm một chỗ, ai tới thăm hỏi han chỉ biết gật đầu, lắc đầu. Bà Th2 bệnh kéo dài đến năm 2013 thì mất.

Người làm chứng bà Lê Thị Thu Th – nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2 trình bày:

Từ năm 2010 đến năm 2012, bà công tác tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2 với chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Ngày 22/12/2010, bà có tiến hành chứng thực Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Đỗ Thị Th2 (bên tặng cho) với ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Minh A (bên được tặng cho), việc chứng thực đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Người làm chứng Võ Minh K trình bày:

Vào khoảng năm 2010, khi ông còn làm Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, ông có hướng dẫn ông P làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ của ông P là bà Th2 với ông P, bà A. Do thời điểm đó bà Th2 bệnh nên không thể đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H để ký hợp đồng tặng cho đất, nên ông đã trực tiếp đến nhà bà Th2 chứng kiến bà Th2 lăn tay vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông P, bà A. Thời điểm đó, tuy bà Th2 bị bệnh nhưng bà Th2 còn nhận biết được, khi ông thông qua hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Th2 với ông P, bà A thì bà Th2 đồng ý việc tặng cho nên bà Th2 để ông hỗ trợ bà Th2 lăn tay vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Sau khi về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H ông đã trình Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H chứng thực theo quy định.

Theo Công văn số 1501/UBND-TNMT ngày 22/5/2018 và Công văn số 2128/UBND-TNMT ngày 17/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Gò Công T2 ý kiến:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các phần đất tranh chấp giữa bà Th2 với ông P, bà A ký ngày 22/12/2010 theo trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai. Nhưng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04513, H04514 ngày 19/6/2009 cho ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Minh A không theo trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai, lý do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Gò Công T2 cấp cho ông P, bà A ngày 19/6/2009 cấp đôi đồng loạt, quá trình phát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thiếu kiểm tra và không điều chỉnh ngày cấp giấy lại cho phù hợp.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 131/2020/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 458, 459, 612, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn Trần Thị T, Trần Thị Tr, Trần Văn Ph, Trần Thị T1 yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tổng diện tích 14.065m² đất giữa cụ Th2 và ông P, bà A vào ngày 22/12/ 2010; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích 14.065m² do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công T2 cấp cho ông P, bà A vào ngày 19/6/2009; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông P, bà A với ông Nhiệm, bà Hương, anh Minh; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nhiệm, bà Hương, anh Minh; yêu cầu chia tổng diện tích 14.065m² cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Th2.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của ông P thỏa thuận bồi thường số tiền 6.570.000 đồng cho bà T1 do ông P đã đốt bỏ rơm và cây đậu của bà T1. Ông P có nghĩa vụ bồi thường số tiền 6.570.000 đồng cho bà T1 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P chậm trả số tiền nêu trên thì ông P còn phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3/ Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà T, bà Tr, ông Ph, bà T1 chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản, các đương sự đã thi hành xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/7/2020, Các nguyên đơn Trần Thị Tr, Trần Văn Ph, Trần Thị T, Trần Thị T1 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét và giải quyết:

1. Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Đỗ Thị Th với ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Minh A ký ngày 22/12/2010 đồng thời kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Gò Công T2 hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04513, H 04514, H 04515 ngày 19/6/2009 cấp cho ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Minh A và thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 4.136,3 m² đất trồng lúa mà ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Minh A chuyển nhượng cho Hồ Văn Nhiệm và Lưu Thị Kim Hương; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.038 m² đất CLN mà ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Minh A chuyển nhượng cho Hồ Tuấn Minh.

2. xem xét chia thừa kế theo pháp luật đối với khối di sản do cụ Th để lại theo đo đạc thực tế gồm:

- Diện tích 8.678, 2 m² tại thửa 24 tờ bản đồ số 12 đất ỎNT + CLN tọa lạc ấp Thới Thạnh, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2.

- Diện tích 4.136,2 m² tại thửa 62, tờ bản đồ số 18 đất trồng lúa tọa lạc ấp Thới Thạnh, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2.

- Diện tích 1.020 m² tại thửa 463 tờ bản đồ số 12 đất ỎNT + CLN tọa lạc ấp Thới Thạnh, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2.

- Giao ngôi nhà kiểu chữ đinh cấp 4 cất trên 114,84 m² trong thửa 24 tờ bản đồ 12 + diện tích 135,3 m² tại thửa số 25 tờ bản đồ số 12 đất nghĩa địa tọa lạc ấp Thới Thạnh, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2 làm nhà thờ và giao cho người con nào chịu trách nhiệm cúng giỗ quản lý.

Tại phiên tòa P thẩm, các đương sự đã thỏa thuận như sau: Bị đơn Trần Văn P, Nguyễn Thị Minh A đồng ý cho cho nguyên đơn Trần Thị T được chăm sóc và hưởng huê lợi từ các cây dừa có trên 02 liếp đất, trong đó 01 liếp đất là thửa đất số 25 có diện tích 135,3m² và 01 liếp đất thuộc một phần của thửa đất số 24 có diện tích 1285,8m² nằm trong tổng diện tích 9.831,7m² . Tổng diện tích 02 liếp đất theo kết quả đo đạc ngày 03/6/2021 là $135,3\text{m}^2 + 1285,8\text{m}^2 = 1.421,1\text{m}^2$, số cây trồng còn lại trên 02 liếp đất này (cây ca cao) do ông P, bà A chăm sóc và hưởng huê lợi. Sau khi bà T qua đời phần diện tích đất 1.421,1m², ông P, Bà A tiếp tục đứng tên quyền sử dụng đất nhưng được dùng làm di sản thờ cúng ông bà, tổ tiên.

Đối với phần tranh chấp bồi thường thiệt hại tài sản do bà Trần Thị T1 khởi kiện ông Trần Văn P thì sau khi tòa án xét xử sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa bà T1, ông P thì các bên đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp P thẩm; Về nội dung vụ án, tại phiên tòa P thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa P thẩm là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của các nguyên đơn trình bày lý lẽ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Tại phiên tòa P thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa P thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang và lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng tặng cho nguyên sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế theo pháp luật.*” là chưa đầy đủ. Bởi lẽ, bà T1 có yêu cầu khởi kiện đòi ông P bồi thường số tiền 6.570.000 đồng do ông P đốt rơm và số cây đậu của bà T1 trông gây thiệt hại tài sản, nên cần bổ sung thêm quan hệ tranh chấp là “*Bồi thường thiệt hại tài sản*”. Sau khi xét xử sơ thẩm, các nguyên đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí theo qui định, nên được xem xét theo thủ tục P thẩm.

Đối với tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử P thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo qui định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cụ Trần Văn K (chết năm 1968) và cụ Đỗ Thị Th2 (chết năm 2013), lúc sinh thời cụ Th2 sinh được 08 người con gồm Trần Thị Tr; Trần Thị T; Trần Văn Ph; Trần Văn P; Trần Thị T1; Trần Thị Triết (chết năm 1977), bà Triết có 01 người con tên Hồ Tuấn Minh; Trần Thị Triều (chết năm 2009), bà Triều có 06 người con gồm Lê Văn Thọ, Lê Thị ChA, Lê Thị Ngọc Tuyền, Lê Minh Phng, Lê Thị Thanh Tâm, Lê Hồng Khanh. Khi còn sống, cụ Th2 đứng tên quyền sử dụng đất với tổng diện tích 15.580m², tọa lạc ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang cụ thể thửa 258, tờ bản đồ số 2 diện tích 10.000m²; thửa 124, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.160m², thửa số 162, diện tích 1.420m². Vào năm 2007, khi cụ Th2 bị bệnh tai biến thì ông P, bà A qua bộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19/6/2009 gồm các thửa: Thửa số 62, tờ bản đồ số 18, diện tích 4.136m², đất lúa; Thửa 24, tờ bản đồ số 12, diện tích 9.813,7m², đất trồng cây lA năm và thổ cư; Thửa số 25, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,3m², đất nghĩa địa thì phát sinh tranh chấp. Sau khi tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc tranh chấp các thửa đất nêu trên thì các nguyên đơn kháng bản án.

[3] Tại phiên tòa P thẩm, các nguyên đơn và bị đơn cùng thỏa thuận như sau: Bị đơn Trần Văn P, Nguyễn Thị Minh A đồng ý cho cho nguyên đơn Trần Thị T được chăm sóc và hưởng huê lợi từ các cây dừa (29 cây) đang cho trái có trên 02 liếp đất, trong đó 01 liếp đất là thửa đất số 25 có diện tích 135,3m² và 01 liếp đất thuộc một phần của thửa đất số 24 có diện tích 1.285,8m² nằm trong tổng diện tích 9.831,7m² do ông P, bà A đứng tên quyền sử dụng đất. Tổng diện tích 02 liếp đất theo kết quả đo đạc ngày 07/6/2021 là 135,3m²(T-2) + 1285,8m²(T-1) =

1.421,1m², số cây trồng còn lại trên 02 liếp đất này (cây ca cao) do ông P, bà A chăm sóc và hưởng huê lợi. Sau khi bà T qua đời tích phần diện tích đất 1.421,1m²(ký hiệu T1 +T2), ông P, Bà A tiếp tục đứng tên quyền sử dụng đất nhưng được dùng làm di sản thờ cúng ông bà, tổ tiên. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa P thẩm là hoàn toàn tự nguyện, việc thỏa thuận này không trái đạo đức xã hội và phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa P thẩm và sửa một phần bản án sơ thẩm theo qui định tại Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]Đối với tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm do bà T1 khởi kiện ông P thì sau khi tòa án xét xử sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận giữa bà T1, ông P thì các bên đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

[5]Về án phí P thẩm: Các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự P thẩm theo qui định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa P thẩm và của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 296, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 458, 459, 612, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các nguyên đơn Trần Thị Tr, Trần Văn Ph, Trần Thị T và Trần Thị T1 với bị đơn là Trần Văn P, Nguyễn Thị Minh A tại phiên tòa P thẩm. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân Huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Trần Thị T được chăm sóc và hưởng huê lợi từ 29 cây dừa hiện có trên 2 liếp đất, trong đó 01 liếp đất là thửa đất số 25 có diện tích 135,3m² và 01 liếp đất thuộc một phần của thửa đất số 24 có diện tích 1.285,8m² nằm trong tổng diện tích 9.831,7m² do ông P, bà A đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang. Tổng diện tích 02 liếp đất theo kết quả đo đạc ngày 07/6/2021 là 135,3m²(T-2) + 1285,8m²(T-1) =

1.421,1m², số cây trồng còn lại trên 02 liếp đất này (cây ca cao) do ông P, bà A tiếp tục chăm sóc và hưởng huê lợi.

(có sơ đồ cụ thể kèm theo)

3. Sau khi bà T qua đời thì phần diện tích đất 1.421,1m² (ký hiệu T1 +T2) là thửa đất số 25 có diện tích 135,3m² và 01 liếp đất thuộc một phần của thửa đất số 24 có diện tích 1.285,8m² nằm trong tổng diện tích 9.831,7m² do ông P, bà A đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh H, huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang, ông P, Bà A tiếp tục đứng tên quyền sử dụng đất nhưng được dùng làm di sản thờ cúng ông bà, tổ tiên.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P thỏa thuận bồi thường số tiền 6.570.000 đồng cho bà T1 do ông P đã đốt bỏ rơm và cây đậu của bà T1. Ông P có nghĩa vụ bồi thường số tiền 6.570.000 đồng cho bà T1 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P chậm trả số tiền nêu trên thì ông P còn phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà T, bà Tr, ông Ph, bà T1 chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản, các đương sự đã thi hành xong.

6. Về án phí:

-Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự P thẩm được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 0016667 ngày 14/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công T2 và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 38753 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T2. Hoàn lại cho bà T số tiền 3.375.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 38637 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

-Bà Trần Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự P thẩm được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 0016664 ngày 14/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công T2 và 300.000 đồng án phí dân sự đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 38752 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại cho bà Tr số tiền 2.250.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 38638 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

-Ông Trần Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự P thẩm được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 0016666 ngày 14/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công T2 và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận,

được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số 38754 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại cho ông Ph số tiền 1.750.000 đồng tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số 38640 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang

-Bà Trần Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự P thẩm được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 0016665 ngày 14/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công T2 300.000 đồng án phí dân sự đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, được cản trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 38748 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang. Hoàn lại cho bà T1 300.000 đồng còn lại theo biên lai số 38748 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T2 và số tiền 1.750.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 38639 ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn lại cho bà Trần Thị Tr, bà Trần Thị T, ông Trần Văn Ph, bà Trần Thị T1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0016049 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công T2, tỉnh Tiền Giang.

- Ông P phải chịu 328.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của bà T1 được chấp nhận.

Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND huyện Gò Công T2;
- Chi cục THADS huyện Gò Công T2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt